

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	06-07
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	08-08
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	09-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-18

1020
CÔNG
NHIỆM
N K
KIỂM
T N
AN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp ngày 31/10/2007; Thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 20/10/2008; thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 10/06/2009.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dùng năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; Tư vấn vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp các nhà máy điện; Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM); Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng và và hoàn thiện; Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc, thiết kế qui hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kiểm định công trình xây dựng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 2, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000đ, bằng chữ (Hai mươi tỷ đồng).

Cổ đông sáng lập gồm:	Giá trị vốn	Tỷ lệ
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,7%
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	3,3%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính 2010 là 385.385.361 VND (Năm 2009 là 934.343.987 VND)

Lũy kế đến ngày 31/12/2010 là 2.154.440.001 VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Lê Liệu	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Quốc Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Tài Anh	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Anh Thái	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Vũ An	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên ban kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Hồng Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban giám đốc



Nguyễn Tuấn Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Ngày 14 tháng 01 năm 2011



Số: 961/BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2010 của
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam lập ngày 14 tháng 01 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0373/KTV

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, Ngày 18 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Việt Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số TÀI SẢN	TM	31/12/2010	Đơn vị tính: VND 01/01/2010
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		32.031.072.699	21.504.913.235
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.632.984.573	1.629.226.062
111 1. Tiền	V.01	1.632.984.573	1.629.226.062
112 2. Các khoản tương đương tiền			
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.680.647.057	5.000.000.000
121 1. Đầu tư ngắn hạn	V.02	1.680.647.057	5.000.000.000
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.401.197.887	7.869.386.135
131 1. Phải thu khách hàng		2.738.247.185	2.409.642.502
132 2. Trả trước cho người bán		6.911.225.725	5.211.680.000
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD		12.670.961.113	
135 5. Các khoản phải thu khác	V.03	80.763.864	248.063.633
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140 IV. Hàng tồn kho		5.516.300.182	6.630.390.881
141 1. Hàng tồn kho	V.04	5.516.300.182	6.630.390.881
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		799.943.000	375.910.157
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152 3. Thuế GTGT được khấu trừ			
154 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158 4. Tài sản ngắn hạn khác		799.943.000	375.910.157
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.577.973.401	1.870.822.751
220 II. Tài sản cố định		2.374.189.852	1.093.802.351
221 1. Tài sản cố định hữu hình	V.05	2.340.689.850	1.037.969.017
222 - Nguyên giá		3.915.459.678	1.955.482.059
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.574.769.828)	(917.513.042)
227 3. Tài sản cố định vô hình	V.06	33.500.002	55.833.334
228 - Nguyên giá		67.000.000	67.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(33.499.998)	(11.166.666)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
240 III. Bất động sản đầu tư			
241 - Nguyên giá			
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
260 V. Tài sản dài hạn khác		203.783.549	777.020.400
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	V.07	203.783.549	125.246.900
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268 3. Tài sản dài hạn khác			651.773.500
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		34.609.046.100	23.375.735.986

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

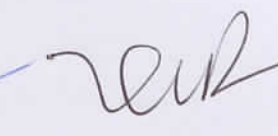
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số NGUỒN VỐN	TM	31/12/2010	Đơn vị tính: VND 01/01/2010
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		16.763.486.101	5.904.552.573
310 I. Nợ ngắn hạn		16.763.486.101	5.904.552.573
311 1. Vay và nợ ngắn hạn			
312 2. Phải trả người bán		3.497.262.409	
313 3. Người mua trả tiền trước		6.108.718.219	3.981.786.350
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.08	341.449.691	297.991.244
315 5. Phải trả người lao động		35.869.222	
316 6. Chi phí phải trả	V.09	6.700.499.668	1.541.594.452
317 7. Phải trả nội bộ			25.437.000
318 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD			
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.10	79.686.892	68.752.302
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
321 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			(11.008.775)
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.845.559.999	17.471.183.413
410 I. Vốn chủ sở hữu	V.11	17.845.559.999	17.471.183.413
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần			
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417 7. Quỹ đầu tư phát triển			
418 8. Quỹ dự phòng tài chính			
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.154.440.001)	(2.528.816.587)
421 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430 II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432 1. Nguồn kinh phí			
433 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		34.609.046.100	23.375.735.986



Nguyễn Tuấn Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2011


Nguyễn Văn Đăm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Vân Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND
Năm 2009

Mã số CHỈ TIÊU	TM	Năm 2010	Năm 2009
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.12	29.611.766.773	17.955.812.997
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10 3. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dv	VI.13	29.611.766.773	17.955.812.997
11 4. Giá vốn hàng bán	VI.14	23.595.885.619	14.007.817.037
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dv		6.015.881.154	3.947.995.960
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.15	279.556.320	840.788.951
22 7. Chi phí tài chính			
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay			
24 8. Chi phí bán hàng			
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.910.052.113	3.756.800.485
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		385.385.361	1.031.984.426
31 11. Thu nhập khác			3.603.517
32 12. Chi phí khác			(3.603.517)
40 13. Lợi nhuận khác			1.028.380.909
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		385.385.361	94.036.922
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.16		
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		385.385.361	934.343.987
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.17	193	621



Nguyễn Tuấn Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Văn Đăm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số Chỉ tiêu		Năm 2010	Đơn vị tính: VND Năm 2009
		TM	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	20.407.776.413	14.619.010.146
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(11.404.374.578)	(9.694.002.822)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(7.866.823.986)	(7.550.886.591)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	958.058.596	740.252.927
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.729.809.578)	(8.114.886.322)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.635.173.133)	(10.000.512.662)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(1.959.977.619)	(169.714.604)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.000.000.000)	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4.319.352.943	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	279.556.320	840.788.951
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.638.931.644	(4.328.925.653)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.401.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.401.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	3.758.511	(8.928.438.315)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1.629.226.062	10.557.664.377
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.632.984.573	1.629.226.062



Nguyễn Tuấn Ngọc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Văn Đăm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Dung
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp ngày 31/10/2007; Thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 20/10/2008; thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 10/06/2009.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000đ.
(Hai mươi tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được đặt tại số 198 phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà nội. Công ty hiện tại đang thuê địa điểm đặt tại C7 Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dùng năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; Tư vấn vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp các nhà máy điện; Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM); Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng và và hoàn thiện; Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc, thiết kế qui hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kiểm định công trình xây dựng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định theo thời gian còn lại của TSCĐ và được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	7-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3-5 năm
- Phần mềm, thiết bị tin học	3-8 năm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận từ quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mua sắm tài sản cố định và phục vụ sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong năm Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2010.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản được giảm trừ theo quy định hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Năm 2010, Công ty thực hiện chuyển lỗ của các năm trước theo quy định tại thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm Công ty không phát sinh khoản mục này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1 . Tiền

Đơn vị tính: VND

	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	245.994.878	358.382.256
Tiền gửi ngân hàng	1.386.989.695	1.270.843.806
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	1.369.985.269	962.376.233
Ngân hàng ĐT&PT VN - CN Thanh Xuân	17.004.426	308.467.573
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	1.632.984.573	1.629.226.062

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm (NH TMCP An Bình)	1.680.647.057	5.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
Cộng	1.680.647.057	5.000.000.000

3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khác	4.340.310	248.063.633
Phải trả khác dư nợ	76.423.554	-
Cộng	80.763.864	248.063.633

4 . Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.516.300.182	6.630.390.881
Thành phẩm	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.516.300.182	6.630.390.881

5 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	-	-	1.239.360.481	716.121.578	1.955.482.059
-Mua trong năm	-	-	1.823.197.619	136.780.000	1.959.977.619
-Thanh lý	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	-	-	3.062.558.100	852.901.578	3.915.459.678
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	-	-	494.910.300	422.602.742	917.513.042
-Khấu hao trong kỳ	-	-	388.879.838	268.376.948	657.256.786
-Thanh lý	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	-	-	883.790.138	690.979.690	1.574.769.828
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	-	-	744.450.181	293.518.836	1.037.969.017
Tại ngày 31/12/2010	-	-	2.178.767.962	161.921.888	2.340.689.850

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô h					
Số dư đầu năm	-	-	-	67.000.000	67.000.000
-Mua trong năm	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	67.000.000	67.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	11.166.666	11.166.666
- Khấu hao trong năm	-	-	-	22.333.332	22.333.332
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	33.499.998	33.499.998
Giá trị còn lại của TSC					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	55.833.334	55.833.334
Tại ngày cuối năm	-	-	-	33.500.002	33.500.002

7 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	155.193.966	125.246.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	48.589.583	-
Cộng	203.783.549	125.246.900

8 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
Thuế giá trị gia tăng	292.698.726	129.704.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	94.036.922
Thuế thu nhập cá nhân	48.750.965	74.249.958
Thuế tài nguyên	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	341.449.691	297.991.244

9 . Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí phải trả khác	6.700.499.668	1.541.594.452
Cộng	6.700.499.668	1.541.594.452

10 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Kinh phí công đoàn	77.186.938	43.841.302
Bảo hiểm xã hội	2.499.954	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	24.911.000
Cộng	79.686.892	68.752.302

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2009	14.599.000.000	-	-	-	(3.463.160.574)
- Tăng vốn năm trước	5.401.000.000	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	934.343.987
Năm nay					
Tại ngày 01/01/2010	20.000.000.000	-	-	-	(2.528.816.587)
- Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	385.385.361
- Phân phối quỹ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(11.008.775)
Tại ngày 31/12/2010	20.000.000.000	-	-	-	(2.154.440.001)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010		Vốn đã góp tại ngày 01/01/2010	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt nam	10.200.000.000	51,00	10.200.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,70	3.739.000.000	18,70
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt nam	660.000.000	3,30	660.000.000	3,30
Các đối tượng khác	5.401.000.000	27,00	5.401.000.000	27,00
Cộng	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	14.599.000.000
Vốn góp tăng trong năm		5.401.000.000
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

đ. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000đ/1CP	10.000đ/1CP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

12 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.611.766.773	17.955.812.997
Cộng	29.611.766.773	17.955.812.997

13 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	-	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	29.611.766.773	17.955.812.997
Cộng	29.611.766.773	17.955.812.997

14 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.595.885.619	14.007.817.037
Cộng	23.595.885.619	14.007.817.037

15 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	279.556.320	840.788.951
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	279.556.320	840.788.951

16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận trước thuế	385.385.361	1.028.380.909
Các khoản điều chỉnh	-	-
Thu nhập tính thuế	385.385.361	1.028.380.909
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành theo thuế suất phổ thông		94.036.922
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN được giảm của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Cộng	-	94.036.922

17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	385.385.361	934.343.987
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	385.385.361	934.343.987
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.000.000	1.504.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	193	621

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Một số chỉ tiêu được phân loại lại theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính để so sánh với số liệu của năm nay.



Nguyễn Tuấn Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Văn Đảm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Dung
Người lập biểu

